

Số: 366./QĐ-ĐHL

Thừa Thiên Huế, ngày 10. tháng 05 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học ngành Luật, hình thức đào tạo chính quy, khóa 2020 – 2024, đào tạo tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Đợt 1

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Luật trực thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐĐH ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Đại học Huế về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Căn cứ Biên bản của Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên các lớp đại học chính quy, khoá 44 đợt 1 năm 2024, họp ngày 09/05/2024;

Xét đề nghị Trường Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học ngành Luật, hình thức đào tạo chính quy, cho 268 (hai trăm sáu tám) sinh viên, khóa 2020 – 2024, đào tạo tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế, có tên theo danh sách đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Những sinh viên có tên trong danh sách tốt nghiệp được hưởng các quyền lợi quy định trong Quy chế đào tạo đại học chính quy hiện hành.

Điều 3. Trưởng các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 2 “để thi hành”;
- Lưu: VT, ĐT, KT-BĐCLGD,CTSV.



PGS.TS. Đoàn Đức Lương

DANH SÁCH SINH VIÊN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT,
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY, NIÊN KHÓA 2020 -2024
ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT, ĐẠI HỌC HUẾ

(Kèm theo Quyết định số: 366./QĐ-ĐHL ngày 10.... tháng 05 năm 2024 của Hiệu trưởng

Trường Đại học Luật, Đại học Huế)

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên	Chuyên ngành	Ngày sinh	Giới tính	ĐTB Hệ 10	ĐTB Hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp
1	19A5011785	TRƯƠNG NHƯ QUỲNH	LDS_K44A	14-11-2001	Nữ	7.99	3.26	Giỏi
2	20A5010008	Y HOÀNG ANH	LDS_K44A	20-12-2002	Nam	7.22	2.80	Khá
3	20A5010014	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	LDS_K44A	02-01-2001	Nữ	7.95	3.24	Giỏi
4	20A5010030	TẠ QUANG ĐÔNG	LDS_K44A	10-02-2002	Nam	7.69	3.10	Khá
5	20A5010038	NGÔ ĐẶNG THUY DUYÊN	LDS_K44A	09-08-2002	Nữ	7.20	2.81	Khá
6	20A5010047	TRẦN HÀ	LDS_K44A	14-10-2002	Nam	7.30	2.87	Khá
7	20A5010048	NGUYỄN VIỆT HÀ	LDS_K44A	11-09-2002	Nữ	7.93	3.26	Giỏi
8	20A5010063	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	LDS_K44A	20-01-2002	Nữ	8.61	3.60	Xuất sắc
9	20A5010068	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	LDS_K44A	01-06-2001	Nữ	8.79	3.65	Xuất sắc
10	20A5010069	HÀ THỊ THANH HIỀN	LDS_K44A	09-05-2002	Nữ	8.42	3.48	Giỏi
11	20A5010072	TRẦN THỊ HỒNG HOA	LDS_K44A	24-10-2002	Nữ	7.61	3.07	Khá
12	20A5010110	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	LDS_K44A	06-06-2002	Nữ	8.22	3.41	Giỏi
13	20A5010115	NGÔ THỊ MINH LÝ	LDS_K44A	05-09-2002	Nữ	8.34	3.42	Giỏi
14	20A5010131	TẠ NGỌC NA	LDS_K44A	30-06-2002	Nữ	8.23	3.41	Giỏi
15	20A5010139	ĐINH DIỆP BẢO NGÂN	LDS_K44A	16-06-2002	Nữ	7.77	3.16	Khá
16	20A5010145	TRẦN LƯƠNG HỒNG NGỌC	LDS_K44A	22-12-2002	Nữ	7.09	2.76	Khá
17	20A5010149	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	LDS_K44A	06-02-2002	Nữ	8.81	3.67	Xuất sắc
18	20A5010151	TRẦN ĐÌNH LÊ NHẤT	LDS_K44A	02-11-2000	Nam	7.95	3.22	Giỏi
19	20A5010160	NGUYỄN THUY NGHĨA NHƠN	LDS_K44A	19-05-2002	Nữ	8.63	3.64	Xuất sắc
20	20A5010165	A KIÊNG THỊ OANH	LDS_K44A	04-06-2001	Nữ	7.51	2.98	Khá
21	20A5010173	LÊ THANH PHƯƠNG	LDS_K44A	19-01-2002	Nữ	7.53	3.02	Khá
22	20A5010183	PHẠM TUỆ TÂM	LDS_K44A	26-07-2002	Nữ	6.68	2.48	Trung bình
23	20A5010188	PHẠM THỊ THẨM	LDS_K44A	02-03-2002	Nữ	7.75	3.15	Khá
24	20A5010195	ĐOÀN THỊ MINH THẢO	LDS_K44A	28-06-2002	Nữ	7.19	2.76	Khá
25	20A5010206	TRƯƠNG NGUYỄN ANH THU	LDS_K44A	23-08-2002	Nữ	8.36	3.47	Giỏi
26	20A5010214	NGÔ THANH THUÝ	LDS_K44A	15-03-2002	Nữ	7.16	2.79	Khá

27	20A5010217	TRƯƠNG THỦY	TIỀN	LDS_K44A	18-11-2002	Nữ	7.24	2.86	Khá
28	20A5010222	NGUYỄN THỊ THANH	TIỀN	LDS_K44A	10-02-2002	Nữ	8.22	3.41	Giỏi
29	20A5010224	NGUYỄN THÚY	TRÂM	LDS_K44A	17-05-2002	Nữ	7.89	3.27	Giỏi
30	20A5010233	LƯƠNG TÂN	TRỌNG	LDS_K44A	05-02-2002	Nam	7.84	3.18	Khá
31	20A5010289	NGUYỄN VÂN	ANH	LDS_K44A	01-02-2002	Nữ	8.55	3.62	Xuất sắc
32	20A5010291	NGUYỄN LAN	ÁNH	LDS_K44A	21-06-2002	Nữ	8.17	3.42	Giỏi
33	20A5010322	NGUYỄN VĂN	DOANH	LDS_K44A	08-02-2002	Nam	7.15	2.73	Khá
34	20A5010353	TRẦN THANH	HIỀN	LDS_K44A	02-06-2002	Nữ	8.11	3.38	Giỏi
35	20A5010369	DƯƠNG LỆ	HÔNG	LDS_K44A	13-02-2002	Nữ	7.37	2.92	Khá
36	20A5010374	HOÀNG XUÂN	HỮU	LDS_K44A	22-04-2002	Nam	7.11	2.74	Khá
37	20A5010418	HỒ THỊ	LY	LDS_K44A	31-03-2002	Nữ	7.12	2.73	Khá
38	20A5010474	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	LDS_K44A	08-08-2002	Nữ	7.66	3.09	Khá
39	20A5010496	HOÀNG VĂN	THANH	LDS_K44A	19-08-2002	Nam	7.67	3.06	Khá
40	20A5010506	PHAN THỊ THANH	THẢO	LDS_K44A	26-05-2002	Nữ	7.39	2.92	Khá
41	20A5010524	ĐINH THỊ KIM	TIỀN	LDS_K44A	05-11-2002	Nữ	8.02	3.24	Giỏi
42	20A5010551	TRƯƠNG VĂN	TRƯỜNG	LDS_K44A	18-09-2002	Nam	7.34	2.87	Khá
43	20A5010589	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	LDS_K44A	17-08-2002	Nữ	7.89	3.23	Giỏi
44	20A5010592	ĐỖ THỊ KIM	TUYỀN	LDS_K44A	23-10-2002	Nữ	8.07	3.33	Giỏi
45	20A5010697	PHAN THỊ	DIỄM	LDS_K44A	04-03-2002	Nữ	7.81	3.16	Khá
46	20A5010767	HOÀNG THỊ	HÀNG	LDS_K44A	09-09-1998	Nữ	8.70	3.65	Xuất sắc
47	20A5011041	PHAN THỊ MỸ	NGỌC	LDS_K44A	03-09-2002	Nữ	8.13	3.35	Giỏi
48	20A5011073	TRỊNH HỒ YẾN	NHI	LDS_K44A	07-07-2002	Nữ	7.53	3.01	Khá
49	20A5011104	ĐẶNG THỊ	OANH	LDS_K44A	20-09-2002	Nữ	7.92	3.26	Giỏi
50	20A5011156	PHẠM THỊ NGỌC	QUÝ	LDS_K44A	11-06-2002	Nữ	7.62	3.05	Khá
51	20A5010468	NGUYỄN VĂN	PHI	LDS_K44B	29-12-2002	Nam	7.48	2.96	Khá
52	20A5010616	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	LDS_K44B	03-12-2002	Nữ	7.68	3.13	Khá
53	20A5010619	NGUYỄN THỊ TÚ	ANH	LDS_K44B	20-06-2002	Nữ	8.42	3.51	Giỏi
54	20A5010629	HUỲNH TUẤN	ANH	LDS_K44B	12-10-2002	Nam	7.33	2.90	Khá
55	20A5010661	NGUYỄN NGỌC TRẦN	CHÂU	LDS_K44B	21-07-2002	Nữ	8.10	3.32	Giỏi
56	20A5010717	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	LDS_K44B	27-12-2002	Nữ	8.55	3.60	Xuất sắc
57	20A5010722	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	LDS_K44B	07-09-2002	Nữ	8.58	3.59	Giỏi
58	20A5010746	NGUYỄN THỊ HÔNG	GÁM	LDS_K44B	08-04-2002	Nữ	8.56	3.60	Xuất sắc
59	20A5010762	NGUYỄN NGỌC	HÂN	LDS_K44B	19-07-2002	Nữ	8.54	3.59	Giỏi
60	20A5010764	KA	HÀNG	LDS_K44B	25-10-2002	Nữ	8.13	3.35	Giỏi
61	20A5010795	NGUYỄN THỊ	HIỀN	LDS_K44B	10-03-2002	Nữ	8.18	3.41	Giỏi
62	20A5010822	LÊ THỊ THÚY	HÒA	LDS_K44B	24-09-2002	Nữ	7.86	3.20	Giỏi

63	20A5010851	HỨA VĨNH	HÙNG	LDS_K44B	28-07-2002	Nam	7.90	3.22	Giỏi
64	20A5010853	ĐÌNH MẠNH	HÙNG	LDS_K44B	19-06-1999	Nam	7.51	3.01	Khá
65	20A5010859	ĐẶNG THỊ	HUỖNG	LDS_K44B	11-05-2002	Nữ	8.14	3.35	Giỏi
66	20A5010861	NGUYỄN THỊ	HUỖNG	LDS_K44B	27-05-2002	Nữ	8.93	3.72	Xuất sắc
67	20A5010890	LÊ VĂN BẢO	KHANH	LDS_K44B	09-04-2002	Nam	8.33	3.46	Giỏi
68	20A5010930	NGUYỄN NHẬT	LINH	LDS_K44B	27-07-2002	Nam	7.08	2.73	Khá
69	20A5010940	NGUYỄN THỊ THUỶ	LINH	LDS_K44B	02-01-2002	Nữ	7.76	3.17	Khá
70	20A5010967	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	LDS_K44B	23-05-2002	Nữ	7.64	3.05	Khá
71	20A5011002	TRỊNH THỊ HẠNH	MƠ	LDS_K44B	02-01-2002	Nữ	7.63	3.08	Khá
72	20A5011010	PHAN THỊ CẨM	MY	LDS_K44B	18-03-2002	Nữ	7.92	3.22	Giỏi
73	20A5011059	NGUYỄN MINH TÂM	NHẬT	LDS_K44B	03-06-2002	Nữ	7.90	3.17	Khá
74	20A5011072	TRẦN MAI BÌNH	NHI	LDS_K44B	16-09-2001	Nữ	7.96	3.27	Giỏi
75	20A5011087	NGUYỄN LÂM NGỌC	NHU'	LDS_K44B	08-05-2002	Nữ	8.42	3.52	Giỏi
76	20A5011102	PHẠM NGUYỄN XA	NY	LDS_K44B	18-06-2002	Nữ	7.86	3.22	Giỏi
77	20A5011119	PHẠM VĂN	PHÚ	LDS_K44B	10-11-2002	Nam	8.49	3.58	Giỏi
78	20A5011129	HOÀNG VĂN	PHƯỚC	LDS_K44B	11-11-2002	Nam	6.84	2.64	Khá
79	20A5011141	TRẦN THỊ MỸ	PHƯƠNG	LDS_K44B	28-11-2002	Nữ	7.35	2.92	Khá
80	20A5011160	KSOR	QUYÊN	LDS_K44B	24-01-2001	Nam	7.54	3.01	Khá
81	20A5011163	HỒ	QUYÊN	LDS_K44B	09-06-2002	Nam	7.22	2.80	Khá
82	20A5011207	MAI	THẠCH	LDS_K44B	20-10-2002	Nam	7.46	3.00	Khá
83	20A5011211	TRẦN VĂN	THẬN	LDS_K44B	02-10-2002	Nam	7.73	3.14	Khá
84	20A5011217	TRƯƠNG DIỆU	THANH	LDS_K44B	26-03-2001	Nữ	8.30	3.48	Giỏi
85	20A5011231	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	LDS_K44B	29-06-2002	Nữ	7.95	3.29	Giỏi
86	20A5011255	LÊ VĂN	THUẬN	LDS_K44B	12-09-2002	Nam	7.98	3.23	Giỏi
87	20A5011287	ĐẶNG MẠNH	TIẾN	LDS_K44B	02-04-2002	Nam	6.86	2.61	Khá
88	20A5011302	ĐẶNG THUY	TRÂM	LDS_K44B	17-12-2002	Nữ	8.29	3.43	Giỏi
89	20A5011321	LÊ THỊ THU	TRANG	LDS_K44B	06-08-2002	Nữ	8.20	3.41	Giỏi
90	20A5011330	CAO THỊ	TRINH	LDS_K44B	30-04-2002	Nữ	7.84	3.21	Giỏi
91	20A5011371	BÙI THẢO	UYÊN	LDS_K44B	11-08-2002	Nữ	8.31	3.42	Giỏi
92	20A5011429	NAY H'	YUANH	LDS_K44B	24-03-2002	Nữ	7.99	3.31	Giỏi
93	20A5011433	PHAN THÀNH	ĐẠT	LDS_K44B	07-01-2002	Nam	8.33	3.45	Giỏi
94	20A5011436	CAO THỊ DIỆU	HÀNG	LDS_K44B	05-09-2001	Nữ	7.92	3.26	Giỏi
95	20A5011438	TRẦN THỊ KIỀU	LINH	LDS_K44B	12-09-2002	Nữ	8.09	3.32	Giỏi
96	20A5011439	TRƯƠNG VĂN	VINH	LDS_K44B	29-03-2001	Nam	7.42	2.92	Khá
97	20A5011455	PHAN THỊ KHÁNH	LINH	LDS_K44B	26-02-2002	Nữ	7.68	3.13	Khá
98	20A5010324	LA CÔNG	DUẢN	LDS_K44C	08-07-2000	Nam	8.10	3.34	Giỏi

99	20A5010627	NGUYỄN ANH	LDS_K44C	02-03-2002	Nam	8.19	3.39	Giỏi
100	20A5010638	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	LDS_K44C	19-11-2002	Nữ	8.18	3.38	Giỏi
101	20A5010648	TRẦN PHỐ BÌNH	LDS_K44C	24-06-2002	Nam	7.71	3.13	Khá
102	20A5010668	TRƯƠNG QUANG CHIẾN	LDS_K44C	10-12-2002	Nam	8.31	3.45	Giỏi
103	20A5010708	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	LDS_K44C	10-11-2002	Nam	7.99	3.28	Giỏi
104	20A5010744	DUYẾT	LDS_K44C	02-08-2002	Nam	7.63	3.08	Khá
105	20A5010760	MẠC KHẢ HÂN	LDS_K44C	17-12-2002	Nữ	6.78	2.57	Khá
106	20A5010786	TRỊNH THỊ HỒNG HẠNH	LDS_K44C	01-01-2002	Nữ	8.09	3.35	Giỏi
107	20A5010790	HỒ THỊ HAY	LDS_K44C	28-12-2002	Nữ	7.81	3.18	Khá
108	20A5010845	TRẦN MẠNH HÙNG	LDS_K44C	08-11-2002	Nam	7.84	3.21	Giỏi
109	20A5010860	NGUYỄN LÊ NGỌC HUỜNG	LDS_K44C	07-07-2002	Nữ	8.22	3.44	Giỏi
110	20A5010878	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	LDS_K44C	18-08-2002	Nữ	7.47	3.00	Khá
111	20A5010886	ĐỖ MINH KHẢI	LDS_K44C	25-11-2001	Nam	7.32	2.88	Khá
112	20A5010892	KSOR HOÀI KHIÊM	LDS_K44C	28-04-2002	Nam	6.78	2.59	Khá
113	20A5010919	PHAN THỊ LÊN	LDS_K44C	14-09-2002	Nữ	7.89	3.24	Giỏi
114	20A5010935	NGÔ KHÁNH LINH	LDS_K44C	04-11-2002	Nữ	7.29	2.86	Khá
115	20A5010936	PHẠM THỊ THÙY LINH	LDS_K44C	08-02-2002	Nữ	7.11	2.72	Khá
116	20A5010979	ĐÀO THỊ LÝ	LDS_K44C	10-08-2002	Nữ	8.10	3.32	Giỏi
117	20A5010983	NGUYỄN NGỌC MAI	LDS_K44C	29-04-2002	Nữ	7.82	3.17	Khá
118	20A5010993	NGUYỄN QUÝ TÂM MINH	LDS_K44C	11-02-2002	Nam	7.53	3.04	Khá
119	20A5010995	TRƯƠNG CÔNG MINH	LDS_K44C	15-11-2001	Nam	8.16	3.35	Giỏi
120	20A5011007	TRẦN THỊ TRÀ MY	LDS_K44C	28-10-2002	Nữ	7.29	2.87	Khá
121	20A5011022	PHẠM HOÀI NAM	LDS_K44C	17-06-1999	Nam	7.63	3.09	Khá
122	20A5011032	TRẦN THÚY NGÂN	LDS_K44C	08-01-2002	Nữ	7.80	3.16	Khá
123	20A5011055	TRẦN THỊ NHÀN	LDS_K44C	16-02-2002	Nữ	7.64	3.02	Khá
124	20A5011124	NGUYỄN MINH PHÚC	LDS_K44C	29-08-2002	Nam	7.84	3.22	Giỏi
125	20A5011159	NGUYỄN PHẠM THẢO QUYÊN	LDS_K44C	04-04-2002	Nữ	7.87	3.19	Khá
126	20A5011174	NGUYỄN THỊ TRÚC QUỲNH	LDS_K44C	10-09-2002	Nữ	7.24	2.80	Khá
127	20A5011190	PHẠM THỊ SƯƠNG	LDS_K44C	03-02-2002	Nữ	7.65	3.08	Khá
128	20A5011194	PHẠM NGUYỄN NGỌC TÀI	LDS_K44C	16-10-2002	Nam	6.99	2.66	Khá
129	20A5011196	TRẦN ĐÌNH TÀI	LDS_K44C	04-10-2001	Nam	6.97	2.65	Khá
130	20A5011219	LÊ TUẤN THÀNH	LDS_K44C	26-11-2000	Nam	7.08	2.77	Khá
131	20A5011222	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	LDS_K44C	27-12-2002	Nam	6.62	2.45	Trung bình
132	20A5011273	NGUYỄN BÍCH THỦY	LDS_K44C	15-10-2001	Nữ	7.94	3.25	Giỏi
133	20A5011280	ĐÌNH THỊ TRÚC TIÊN	LDS_K44C	20-10-2002	Nữ	8.05	3.30	Giỏi
134	20A5011306	NGUYỄN TRẦN NGỌC TRÂN	LDS_K44C	06-07-2002	Nữ	8.40	3.45	Giỏi

135	20A5011311	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	LDS_K44C	22-08-2002	Nữ	7.72	3.12	Khá
136	20A5011375	NGÔ THỊ THUỶ	VÂN	LDS_K44C	20-09-2002	Nữ	8.33	3.47	Giỏi
137	20A5011430	ĐOÀN VƯƠNG CHÂU	ANH	LDS_K44C	06-12-2002	Nam	8.04	3.33	Giỏi
138	20A5011450	CAO THỊ HOÀNG	TUỆ	LDS_K44C	31-05-2002	Nữ	7.67	3.08	Khá
139	20A5011453	KSOR HỒ	YÊN	LDS_K44C	20-01-2002	Nữ	7.92	3.22	Giỏi
140	19A5011902	ĐỖ TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	LHS_K44D	13-10-2001	Nữ	7.25	2.86	Khá
141	20A5010025	VÕ THỊ THANH	DIỆP	LHS_K44D	21-07-2001	Nữ	7.49	2.99	Khá
142	20A5010032	NGUYỄN THỊ SINH	DUYÊN	LHS_K44D	18-11-2002	Nữ	7.65	3.10	Khá
143	20A5010051	HỒ VĂN	HẢI	LHS_K44D	20-10-1999	Nam	7.34	2.87	Khá
144	20A5010055	NGUYỄN THỊ THÚY	HÀNG	LHS_K44D	01-03-2002	Nữ	7.63	3.06	Khá
145	20A5010082	ĐỒNG NGỌC	HUY	LHS_K44D	15-08-2002	Nam	7.87	3.19	Khá
146	20A5010105	PHAN THỊ	LINH	LHS_K44D	22-09-2002	Nữ	7.89	3.21	Giỏi
147	20A5010112	NGUYỄN NGỌC HOÀNG	LỊNH	LHS_K44D	17-02-2001	Nam	7.40	2.95	Khá
148	20A5010138	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGÂN	LHS_K44D	21-09-2002	Nữ	8.23	3.42	Giỏi
149	20A5010144	NGUYỄN NGỌC	NGHĨA	LHS_K44D	06-09-2002	Nam	7.92	3.22	Giỏi
150	20A5010208	ĐẶNG ĐẠI	THỨC	LHS_K44D	27-04-2002	Nam	7.48	2.99	Khá
151	20A5010220	NGÔ TỊNH	TIẾN	LHS_K44D	05-11-2002	Nữ	7.56	2.97	Khá
152	20A5010227	NGUYỄN THUỶ	TRANG	LHS_K44D	08-08-2001	Nữ	8.09	3.32	Giỏi
153	20A5010228	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRANG	LHS_K44D	07-08-2002	Nữ	7.14	2.80	Khá
154	20A5010232	NGUYỄN KHOA	TRÌNH	LHS_K44D	08-02-2002	Nam	6.80	2.53	Khá
155	20A5010235	PHẠM THANH	TRÚC	LHS_K44D	12-05-2002	Nữ	7.79	3.14	Khá
156	20A5010252	LÂM THỊ KIỀU	VÂN	LHS_K44D	11-09-2002	Nữ	7.95	3.21	Giỏi
157	20A5010253	HOÀNG THỊ CẨM	VÂN	LHS_K44D	28-04-2002	Nữ	7.53	3.00	Khá
158	20A5010256	ĐỖ PHAN TỊNH	VĂN	LHS_K44D	24-12-2002	Nữ	7.89	3.19	Khá
159	20A5010279	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	LHS_K44D	27-11-2002	Nữ	8.80	3.66	Xuất sắc
160	20A5010284	NGUYỄN HOÀNG	ANH	LHS_K44D	17-02-2001	Nam	8.15	3.36	Giỏi
161	20A5010296	LÊ ĐÌNH	BẢO	LHS_K44D	31-10-2002	Nam	8.43	3.49	Giỏi
162	20A5010350	HỒ THỊ HỒNG	HẠNH	LHS_K44D	25-03-2002	Nữ	7.95	3.21	Giỏi
163	20A5010379	LÊ VĂN QUỐC	HUY	LHS_K44D	14-03-2002	Nam	7.44	2.99	Khá
164	20A5010390	PHAN VĂN	KHÁNH	LHS_K44D	09-04-2002	Nam	8.30	3.46	Giỏi
165	20A5010401	ÔNG THỊ MỸ	LINH	LHS_K44D	16-02-2002	Nữ	7.63	3.03	Khá
166	20A5010419	NGUYỄN THANH CẨM	LY	LHS_K44D	17-01-2002	Nữ	7.48	3.00	Khá
167	20A5010445	TRẦN MINH	NHẬT	LHS_K44D	10-10-2002	Nam	7.02	2.68	Khá
168	20A5010484	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	LHS_K44D	09-01-2002	Nữ	8.06	3.33	Giỏi
169	20A5010533	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	LHS_K44D	11-12-2002	Nữ	7.20	2.80	Khá
170	20A5010554	ĐÌNH THANH	TUẤN	LHS_K44D	01-07-2002	Nam	7.09	2.74	Khá

171	20A5010561	TRẦN LÊ NHÃ	UYÊN	LHS_K44D	07-03-2002	Nữ	8.16	3.38	Giỏi
172	20A5010582	TRẦN THỊ	HOA	LHS_K44D	02-05-2002	Nữ	7.46	2.93	Khá
173	20A5010585	NGUYỄN THỊ BÍCH	HỢP	LHS_K44D	08-06-2002	Nữ	7.48	3.00	Khá
174	20A5010588	TRẦN THỊ ANH	MINH	LHS_K44D	10-12-2002	Nữ	7.92	3.21	Giỏi
175	20A5010593	VÕ HOÀNG KHÁNH	VY	LHS_K44D	08-12-2002	Nữ	7.37	2.91	Khá
176	20A5010594	NGUYỄN NHƯ	Ý	LHS_K44D	12-09-2002	Nữ	7.87	3.22	Giỏi
177	20A5010641	DƯƠNG QUỐC	BẢO	LHS_K44D	03-10-2002	Nam	7.70	3.06	Khá
178	20A5010035	NGUYỄN HOÀNG BẢO	DUYÊN	LHS_K44E	09-04-2002	Nữ	8.15	3.38	Giỏi
179	20A5010611	PHAN THỊ KIM	ANH	LHS_K44E	13-09-2002	Nữ	7.28	2.85	Khá
180	20A5010620	PHẠM NGỌC TRÂM	ANH	LHS_K44E	01-01-2002	Nữ	7.52	2.95	Khá
181	20A5010659	KSOR H'	CHAT	LHS_K44E	03-12-2002	Nữ	7.02	2.72	Khá
182	20A5010669	NGUYỄN ĐỨC	CHÍNH	LHS_K44E	26-10-2002	Nam	7.41	2.99	Khá
183	20A5010718	LÊ THỊ MỸ	DUNG	LHS_K44E	19-08-2002	Nữ	8.11	3.37	Giỏi
184	20A5010731	ĐINH CÔNG	DUY	LHS_K44E	10-05-2001	Nam	8.23	3.42	Giỏi
185	20A5010737	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	LHS_K44E	20-01-2002	Nữ	8.16	3.32	Giỏi
186	20A5010796	TRẦN THỊ THU	HIỀN	LHS_K44E	05-03-2002	Nữ	8.47	3.53	Giỏi
187	20A5010800	HỒ NGỌC	HIỀN	LHS_K44E	24-02-2002	Nam	8.17	3.38	Giỏi
188	20A5010840	H- HÂN NIÊ	HRAH	LHS_K44E	18-09-2001	Nữ	7.86	3.19	Khá
189	20A5010844	ĐỖ THỊ MINH	HUỆ	LHS_K44E	03-08-2002	Nữ	6.61	2.43	Trung bình
190	20A5010876	TRẦN THỊ CẨM	HUYỀN	LHS_K44E	02-02-2002	Nữ	7.67	3.05	Khá
191	20A5010893	PHẠM BÁ DUY	KHOA	LHS_K44E	10-03-2002	Nam	7.91	3.25	Giỏi
192	20A5010896	PHAN ĐĂNG	KHOA	LHS_K44E	11-01-2002	Nam	7.41	2.91	Khá
193	20A5010911	TRỊNH THỊ NGỌC	LAN	LHS_K44E	07-12-2002	Nữ	8.20	3.36	Giỏi
194	20A5010977	VÕ THỊ	LÝ	LHS_K44E	10-04-2002	Nữ	8.22	3.41	Giỏi
195	20A5010986	TRẦN ĐỨC	MẠNH	LHS_K44E	29-11-2002	Nam	7.55	2.98	Khá
196	20A5011001	NGUYỄN THỊ	MƠ	LHS_K44E	29-09-2002	Nữ	7.92	3.22	Giỏi
197	20A5011031	VÕ KIM	NGÂN	LHS_K44E	22-04-2002	Nữ	8.41	3.52	Giỏi
198	20A5011077	PHAN NGUYỄN THẢO	NHI	LHS_K44E	17-01-2002	Nữ	7.96	3.26	Giỏi
199	20A5011118	LÊ VĂN	PHÚ	LHS_K44E	19-05-2002	Nam	7.62	3.04	Khá
200	20A5011130	LÊ THỊ NHÃ	PHƯƠNG	LHS_K44E	24-07-2002	Nữ	8.91	3.69	Xuất sắc
201	20A5011145	NGUYỄN TẤN MINH	QUÂN	LHS_K44E	16-08-2002	Nam	7.72	3.08	Khá
202	20A5011154	PHẠM BÙI NGUYỄN	QUỐC	LHS_K44E	22-01-2002	Nam	7.08	2.72	Khá
203	20A5011192	NGUYỄN THỊ LỆ	SƯƠNG	LHS_K44E	30-03-2002	Nữ	8.12	3.34	Giỏi
204	20A5011213	HỒ VŨ	THẮNG	LHS_K44E	26-09-2001	Nam	8.11	3.33	Giỏi
205	20A5011225	NGUYỄN THẠCH	THẢO	LHS_K44E	02-10-2002	Nữ	8.52	3.55	Giỏi
206	20A5011230	NGUYỄN THỊ NHẬT	THẢO	LHS_K44E	19-06-2002	Nữ	8.20	3.35	Giỏi

207	20A5011245	RCOM H'	THU	LHS_K44E	13-02-2001	Nữ	7.10	2.71	Khá
208	20A5011246	ALĂNG THỊ	THU	LHS_K44E	21-12-2002	Nữ	7.48	2.95	Khá
209	20A5011277	LÊ THỊ THU	THỦY	LHS_K44E	01-10-2002	Nữ	7.82	3.10	Khá
210	20A5011308	NGUYỄN THỊ	TRANG	LHS_K44E	29-08-2002	Nữ	8.57	3.60	Xuất sắc
211	20A5011387	TRẦN THẢO	VIÊN	LHS_K44E	20-02-2002	Nữ	7.69	3.09	Khá
212	20A5011412	SIU	WON	LHS_K44E	06-12-2002	Nam	7.31	2.92	Khá
213	20A5011435	NGUYỄN HÀ	NGÂN	LHS_K44E	03-10-2002	Nữ	8.06	3.30	Giỏi
214	20A5011437	HỒ THỊ XUÂN	HUYỀN	LHS_K44E	06-03-2001	Nữ	7.87	3.19	Khá
215	20A5011456	LÊ THỊ THẢO	NGUYỄN	LHS_K44E	13-09-2002	Nữ	8.39	3.51	Giỏi
216	20A5010004	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	LHC_K44G	15-05-2002	Nữ	7.39	2.89	Khá
217	20A5010018	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	LHC_K44G	09-09-2002	Nữ	7.61	3.04	Khá
218	20A5010024	NGUYỄN THỊ KIỀU	DIỄM	LHC_K44G	24-04-2002	Nữ	8.10	3.31	Giỏi
219	20A5010031	LÊ XUÂN	DŨNG	LHC_K44G	20-04-2002	Nam	7.09	2.74	Khá
220	20A5010033	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	LHC_K44G	12-01-2002	Nữ	8.04	3.30	Giỏi
221	20A5010054	Y LỆ	HÀNG	LHC_K44G	06-02-2002	Nữ	6.93	2.60	Khá
222	20A5010084	TUÔNG THỊ THU	HUYỀN	LHC_K44G	06-09-2001	Nữ	8.40	3.49	Giỏi
223	20A5010097	NGUYỄN VĂN	LĂM	LHC_K44G	09-03-2002	Nam	7.83	3.20	Giỏi
224	20A5010127	NGUYỄN THỊ	MỸ	LHC_K44G	09-02-2002	Nữ	7.49	2.96	Khá
225	20A5010134	PHAN NGỌC HOÀNG	NAM	LHC_K44G	20-04-2002	Nam	7.14	2.77	Khá
226	20A5010156	ĐẬU HOÀNG NGUYỄN	NHI	LHC_K44G	10-10-2002	Nữ	7.90	3.22	Giỏi
227	20A5010219	TRƯƠNG PHẠM ĐAN	TIỀN	LHC_K44G	22-05-2001	Nữ	7.69	3.11	Khá
228	20A5010223	NGUYỄN THỊ THANH	TIỀN	LHC_K44G	24-12-2002	Nữ	7.48	2.98	Khá
229	20A5010231	NGÔ THỊ KIỀU	TRINH	LHC_K44G	17-04-2002	Nữ	7.99	3.25	Giỏi
230	20A5010265	CHÂU THỊ MỸ	XUÂN	LHC_K44G	21-03-2002	Nữ	7.35	2.89	Khá
231	20A5010278	HỒ NGỌC ANH	THƯ	LHC_K44G	28-06-2002	Nữ	8.67	3.66	Xuất sắc
232	20A5010340	NGUYỄN THỊ	HÀ	LHC_K44G	27-02-2002	Nữ	7.31	2.89	Khá
233	20A5010377	HUỖNH NGỌC HOÀNG	HUY	LHC_K44G	16-07-2002	Nam	7.20	2.81	Khá
234	20A5010407	PHẠM BÁ	LINH	LHC_K44G	22-11-2002	Nam	6.93	2.61	Khá
235	20A5010462	KSOR HỒ	NIA	LHC_K44G	11-07-2002	Nữ	8.03	3.28	Giỏi
236	20A5010477	NGUYỄN THỊ	QUÝ	LHC_K44G	28-06-2002	Nữ	6.96	2.63	Khá
237	20A5010489	PHAN THÁI	SƠN	LHC_K44G	15-09-2002	Nam	6.86	2.61	Khá
238	20A5010651	RỖ CHÂM	BLỬI	LHC_K44G	17-09-2002	Nữ	7.27	2.84	Khá
239	20A5010706	NGUYỄN MINH	ĐOÀN	LHC_K44G	01-05-2002	Nam	7.95	3.26	Giỏi
240	20A5010740	VỖ HỒ MỸ	DUYÊN	LHC_K44G	01-05-2002	Nữ	8.00	3.27	Giỏi
241	20A5010808	ĐẶNG QUANG	HIẾU	LHC_K44G	24-09-2002	Nam	6.79	2.53	Khá
242	20A5010809	PHÙNG NGÔ MINH	HIẾU	LHC_K44G	16-03-2002	Nam	6.68	2.46	Trung bình

243	20A5010825	LÊ VĂN	HOÀI	LHC_K44G	17-08-2002	Nam	7.24	2.83	Khá
244	20A5010857	LÊ THỊ QUỲNH	HƯƠNG	LHC_K44G	27-11-2002	Nữ	7.42	2.91	Khá
245	20A5010872	TRẦN QUANG	HUY	LHC_K44G	19-09-2002	Nam	7.83	3.19	Khá
246	20A5010912	TRẦN THỊ	LAN	LHC_K44G	12-01-2002	Nữ	7.12	2.79	Khá
247	20A5010945	HỒ THỊ	LINH	LHC_K44G	10-06-2002	Nữ	7.43	2.94	Khá
248	20A5011038	KSOR	NGHIÊU	LHC_K44G	18-08-2002	Nữ	7.54	2.97	Khá
249	20A5011092	KSOR H'	NHUNG	LHC_K44G	22-12-2002	Nữ	7.64	3.12	Khá
250	20A5011126	RƠ LAN	PHÚI	LHC_K44G	17-08-2000	Nữ	8.05	3.32	Giỏi
251	20A5011153	SIU	QUANG	LHC_K44G	26-05-2001	Nam	7.31	2.87	Khá
252	20A5011177	ĐÌNH	RI	LHC_K44G	12-11-2002	Nữ	7.49	3.00	Khá
253	20A5011198	NGUYỄN THÀNH	TÀI	LHC_K44G	01-12-2002	Nam	7.15	2.78	Khá
254	20A5011215	NGUYỄN MẬU	THẮNG	LHC_K44G	25-01-2002	Nam	7.98	3.23	Giỏi
255	20A5011276	KSOR HỒ	THỦY	LHC_K44G	05-03-2002	Nữ	7.67	3.08	Khá
256	20A5011310	TRẦN THỊ HỒNG	TRANG	LHC_K44G	22-04-2002	Nữ	7.59	3.03	Khá
257	20A5011347	ROĐÊL	TỰ	LHC_K44G	18-10-2002	Nam	8.32	3.47	Giỏi
258	20A5010644	TRẦN ĐÌNH	BẢO	LKT_K44H	20-02-2000	Nam	8.10	3.31	Giỏi
259	20A5010749	HUỲNH NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	LKT_K44H	11-09-2002	Nam	7.99	3.26	Giỏi
260	20A5010797	PHAN THỊ THU	HIỀN	LKT_K44H	23-11-2002	Nữ	8.99	3.74	Xuất sắc
261	20A5010865	NGUYỄN PHẠM QUANG	HUY	LKT_K44H	20-05-2002	Nam	8.02	3.27	Giỏi
262	20A5010899	TRẦN HIẾU	KIÊN	LKT_K44H	01-08-2002	Nữ	7.98	3.27	Giỏi
263	20A5010915	NGUYỄN THỊ QUÝ	LÊ	LKT_K44H	23-11-2002	Nữ	8.32	3.48	Giỏi
264	20A5011081	NGUYỄN Ý	NHI	LKT_K44H	13-06-2002	Nữ	7.98	3.26	Giỏi
265	20A5011105	DƯƠNG THỊ KIM	OANH	LKT_K44H	23-08-2002	Nữ	8.22	3.39	Giỏi
266	20A5011168	HỒ THỊ DIỄM	QUỲNH	LKT_K44H	10-01-2002	Nữ	7.13	2.78	Khá
267	20A5011318	HUỲNH NGỌC THÙY	TRANG	LKT_K44H	17-08-2002	Nữ	7.91	3.25	Giỏi
268	20A5011369	NGÔ KHÁNH	UYÊN	LKT_K44H	11-10-2002	Nữ	7.56	3.06	Khá

* Tổng cộng danh sách này có 268 sinh viên đủ điều kiện xét công nhận tốt nghiệp

Trong đó:

- 14 sinh viên đạt loại Xuất sắc,
- 113 sinh viên đạt loại Giỏi,
- 137 sinh viên đạt loại Khá,
- 04 sinh viên đạt loại Trung bình.



PGS.TS. Đoàn Đức Lương